

Bản án số: **02/2021/KDTM-ST**

Ngày 29/9/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Bà Dương Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM, ngày 18 tháng 5 năm 2018, về việc *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và kiện đòi tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 29/11/2019; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 04 ngày 28/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H - C/v: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu U - C/v: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Km 0A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Công ty A: Luật sư Nguyễn Thành M – Luật sư Văn phòng Luật sư số 0B Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên xây dựng B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy H - C/v: Giám đốc;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Doanh nghiệp tư nhân vận tải N.

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn B – C/v: Giám đốc.

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông U, ông M, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn Công ty TNHH A do ông Nguyễn Hữu U đại diện theo uỷ quyền, tại bản tự khai, biên bản làm việc:

Ngày 31/10/2015 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng B (Sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV XD B) - Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, do người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Duy H và Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân vận tải N do ông Nguyễn Văn B chức vụ giám đốc ký kết Hợp đồng kinh tế số 11/2015 với xưởng cơ khí Đ – Công ty TNHH A về việc sản xuất dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp công suất 26/60 Th (nội dung chi tiết có trong hợp đồng);

Địa điểm lắp đặt và bàn giao dàn máy tại ĐM – CD – ĐH– Phú Thọ. Sau khi kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm hai bên cùng tiến hành lập biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 23/7/2016, biên bản có chữ ký của các bên (đại diện xưởng cơ khí Đ là ông Phạm Hùng Nh – Quản đốc và đại diện Công ty TNHH MTV XD B là ông Tạ Minh L – thành viên công ty).

Trong quá trình sản xuất có phát sinh một số công việc ngoài hợp đồng tuy nhiên mọi việc đều có xác nhận và chữ ký hai bên.

Đối với Công ty TNHH MTV XD B nợ Công ty TNHH A cụ thể như sau:

Tổng giá trị hợp đồng + phát sinh ngoài hợp đồng là 1.083.331.625đ, đã thanh toán 705.000.000đ, còn nợ lại 378.331.625đ.

Do cả hai công ty cùng liên kết vì vậy tôi yêu cầu mỗi công ty thanh toán 50% là 189.165.813đ.

Ông Nguyễn Duy H đại diện Công ty TNHH MTV XD B yêu cầu Công ty TNHH A làm một số công việc phát sinh ở CL- Yên Bái, cụ thể bảng kê ngày 20/7/2016 là 82.321.000đ.

Ngày 13/8/2015 Công ty TNHH A có gửi cho ông Nguyễn Duy H số tiền 40.000.000đ để đưa cho ông Phạm Văn Th – thành viên công ty TNHH Q, tuy nhiên ông Hùng không đưa cho ông Th.

Công ty TNHH A đã gọi điện rất nhiều lần yêu cầu phía Công ty TNHH MTV XD B tiến hành thống nhất công nợ tuy nhiên đều không nhận được sự phối hợp. Công ty TNHH A đã gửi các giấy tờ cho Công ty TNHH MTV XD B tuy nhiên đều từ chối không nhận văn bản qua đường bưu điện.

Nay Công ty TNHH A khởi kiện đề nghị Công ty TNHH MTV XD B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền là 311.486.813 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 9 năm 2021 đại diện Công ty TNHH A rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Nguyễn Duy H phải trả số tiền 40.000.000 đồng. để đưa cho ông Phạm Văn Th – thành viên công ty TNHH

Q và chỉ yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền là 271.486.813 đồng.

2. Phần trình bày của bị đơn công ty TNHH MTV Xây dựng B do ông Nguyễn Duy H đại diện theo pháp luật tại các biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc:

Ngày 31/10/2015 đại diện bên A là Doanh nghiệp tư nhân vận tải N do ông Nguyễn Văn B chức vụ giám đốc và Công ty TNHH MTV XD B do ông Nguyễn Duy H và đại diện bên B là Xưởng cơ khí Đ đó ông Nguyễn Hữu U đại diện các bên có ký hợp đồng kinh tế với nội dung bên B cung ứng cho bên A dàn máy nghiền sỏi.

Trong quá trình thực hiện chủ yếu là Doanh nghiệp tư nhân vận tải N và xưởng cơ khí Đ thực hiện còn ông Hùng chỉ là người đôn đốc.

Trong quá trình thực hiện ông Nguyễn Hữu U đã bàn giao dây chuyền máy móc cho Doanh nghiệp tư nhân vận tải N tuy nhiên khi làm thì dây chuyền máy móc này không vận hành được.

Cho đến nay Công ty TNHH A và Doanh nghiệp tư nhân vận tải N đã thanh toán cho nhau như thế nào ông Hùng không nắm được.

Công ty TNHH MTV XD B chỉ ký hợp đồng góp vốn với Doanh nghiệp tư nhân vận tải N.

Ông xác định có được cầm số tiền 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Hữu U và sau khi cầm hộ ông đã đưa cho vợ ông là bà Đinh Thị Thủy, bà Thủy đã đưa số tiền trên cho ông Phạm Văn Th.

Ngoài ra ông Nguyễn Hữu U còn nợ ông một số tiền mua máy móc, vật tư ông không nhất trí trả tiền cho Công ty TNHH A.

3. Phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp tư nhân vận tải N do ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo pháp luật tại các biên bản làm việc, biên bản ghi lời khai:

Năm 2015 Doanh nghiệp tư nhân vận tải N có ký hợp đồng với xưởng cơ khí Đ về việc sản xuất dàn máy nghiền sỏi liên hợp Doanh nghiệp tư nhân vận tải N có đặt cọc cho Công ty TNHH A số tiền 400.000.000đ.

Việc thanh toán sau đó thế nào ông không nắm được. Do máy móc Công ty TNHH A lắp không vận hành được do vậy nay Doanh nghiệp tư nhân vận tải N yêu cầu Công ty TNHH A trả lại số tiền đặt cọc 400.000.000 đồng. Ông xác định hiện nay Doanh nghiệp tư nhân vận tải N không nợ Công ty TNHH A số tiền nào.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn được thực hiện theo đúng quy định; bị đơn và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có khi chưa chấp hành đúng quy định trong việc có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ các quy định của Luật Thương Mại, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH MTV XD B phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền là 271.486.813đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm mười ba đồng*).

- Công ty TNHH MTV XD B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện của Nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu U và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thành M và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Đại diện bị đơn là ông Nguyễn Duy H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn là các tổ chức có đăng ký hoạt động kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận và đang tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên. Địa chỉ trụ sở của bị đơn là Công ty TNHH MTV XD B tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình Tòa án giải quyết, phần yêu cầu ông Nguyễn Duy H trả tiền cho Công ty TNHH A là tranh chấp dân sự và Công ty TNHH A đã rút phần yêu cầu này.

Ngày 23/7/2016, đại diện của Công ty TNHH A và Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N ký xác nhận nghiệm thu hàng hóa. Sau đó, Công ty TNHH A đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N thanh quyết toán số tiền còn phải trả nhưng không được hai Công ty thực hiện nên ngày 02/5/2018, Công ty TNHH A khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV XD B tại Tòa án nhân dân là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 Luật Thương mại.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên xác định tranh chấp trong vụ án kinh doanh thương mại là “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” đã đúng quy định và thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trách nhiệm thanh toán và số tiền còn phải thanh toán của Công ty TNHH Khoa Nhung theo Hợp đồng kinh tế số 11/2015:

Ngày 31/10/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty TNHH MTV) B - Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Duy H và Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Vận tải N, địa chỉ: Xóm 0B, xã H, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn B, chức vụ giám đốc cùng ký kết Hợp đồng kinh tế số 11/2015 với Công ty TNHH A (Xưởng cơ khí Đ), địa chỉ: Xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về việc Công ty TNHH A cung cấp toàn bộ thiết bị và lắp đặt dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp công suất 26/60 T/h cho Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N. Theo nội dung của Hợp đồng, thì Công ty TNHH A do Xưởng cơ khí Đ thực hiện bán thiết bị và lắp đặt dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp cho Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N với tổng giá trị của hợp đồng là 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng). Địa điểm lắp đặt và bàn giao dàn máy tại ĐM – CĐ – ĐH – Phú Thọ. Trong quá trình lắp đặt dàn máy, phát sinh thêm một số thiết bị lắp đặt cho dàn máy (làm xi lô, làm bể chứa cát, bể thoát, đáy sàng, khung bộ máy nghiền...) với tổng chi phí (đã trừ phần giảm trừ) là 263.331.625 đồng. Ngoài ra, người đại diện của Công ty TNHH MTV XD B đã yêu cầu lắp đặt, sửa chữa thêm khi lắp đặt dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp công suất 26/60 T/h (sàng rung tĩnh, ống nước, tiền công sửa theo yêu cầu, tiền vận chuyển) với tổng số tiền là 82.231.000 đồng.

Quá trình thực hiện lắp đặt dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp, đại diện bên Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N đều ký nhận các thiết bị cho việc lắp đặt dàn máy. Ngày 23/7/2016, đại diện bên Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N và đại diện Công ty TNHH A đã ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao với nội dung: *“Các bên cùng nhau xem xét kiểm tra và nghiệm thu các hạng mục sau: ... Các hạng mục trên sản xuất chế tạo theo đúng hợp đồng. Đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng kỹ thuật khi đưa các hạng mục trên vào chạy thử hoạt động tốt. Chúng tôi đồng ý nghiệm thu đưa các hạng mục trên vào sử dụng (sản xuất) và thanh toán”*.

Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N đã thanh toán trước cho Công ty TNHH A là 555.000.000 đồng và trả lại cho Công ty TNHH A 01 máy nghiền có giá trị là 150.000.000 đồng. Do vậy, tổng số tiền Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N còn nợ đối với Công ty TNHH A bao gồm giá trị dàn máy, chi phí lắp đặt phát sinh sau khi trừ đi số tiền đã trả trước và khấu trừ tiền trả lại máy nghiền) là 378.331.625 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N có ký hợp đồng lắp đặt dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp công suất 26/60 T/h với Công ty TNHH A. Quá trình lắp đặt, có phát sinh một số hạng mục mới ngoài hợp đồng nhưng đã được các bên nhất trí thực hiện và đã ký nghiệm thu, bàn giao dàn máy, do vậy, Công ty TNHH MTV XD B và Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) N cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản tiền chưa thanh toán cho Công ty TNHH A là 378.331.625 đồng.

HĐXX xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, đại diện Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N đều không xuất trình các chứng cứ về việc hợp tác, góp vốn khi mua dàn máy nghiền sàng sỏi liên hợp công suất 26/60 T/h với Công ty

TNHH A, không xác định được phần nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Công ty TNHH A nên Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N có trách nhiệm mỗi bên phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ cho Công ty TNHH A. Do Công ty TNHH A chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B nên cần chấp nhận yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ của Công ty TNHH A là 189.165.812 đồng.

Đối với số tiền 82.231.000 đồng do Công ty TNHH MTV XD B đã yêu cầu lắp đặt, sửa chữa phát sinh khi lắp đặt dàn máy, HĐXX xét thấy: yêu cầu lắp đặt thiết bị phát sinh ngoài hợp đồng của Công ty TNHH MTV XD B không có sự nhất trí của DNTN Vận tải N mà là thỏa thuận ngoài giữa Công ty TNHH MTV XD B với Công ty TNHH A nên Công ty TNHH MTV XD B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền này cho Công ty TNHH A.

Như vậy, Công ty TNHH MTV XD B phải trả lại cho Công ty TNHH A tổng số tiền: 189.165.812 đồng + 82.231.000đ = 271.486.813 đồng.

Do cả hai Công ty TNHH A và DNTN Vận tải N cùng liên kết vì vậy Doanh nghiệp tư nhân vận tải N cũng có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A 50% là 189.165.813đ nhưng do Công ty TNHH A chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B trả phần tiền còn nợ; không khởi kiện và không yêu cầu thanh toán nợ đối với DNTN Vận tải N nên HĐXX không xem xét giải quyết đối với phần tiền còn nợ của DNTN Vận tải N.

[4]. Đối với ý kiến của đại diện bị đơn và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty TNHH MTV XD B cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng chủ yếu do DNTN Vận tải N và xưởng cơ khí Đ thực hiện còn ông H (đại diện Công ty TNHH MTV XD B) chỉ là người đơn đốc. Công ty TNHH A đã bàn giao dây chuyền máy móc cho DNTN Vận tải N tuy nhiên khi làm thì dây chuyền máy móc này không vận hành được. Đến nay, Công ty TNHH A và DNTN Vận tải N đã thanh toán cho nhau như thế nào ông H không nắm được; Công ty TNHH MTV XD B chỉ ký hợp đồng góp vốn với DNTN Vận tải N. Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu U còn nợ ông H một số tiền mua máy móc, vật tư nên không nhất trí trả tiền cho Công ty TNHH A.

Đại diện Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, DNTN Vận tải N trình bày: năm 2015 có ký hợp đồng với xưởng cơ khí Đ về việc sản xuất dàn máy nghiền sỏi liên hợp DNTN Vận tải N có đặt cọc cho Công ty TNHH A số tiền 400.000.000đ. Việc thanh toán sau đó thế nào không nắm được. Do máy móc Công ty TNHH A lắp không vận hành được do vậy nay Doanh nghiệp tư nhân vận tải N yêu cầu Công ty TNHH A trả lại số tiền đặt cọc 400.000.000đ.

Tòa án đã yêu cầu Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N cung cấp các tài liệu chứng minh cho ý kiến trình bày của mình nhưng các Công ty không cung cấp được các tài liệu chứng minh; ngoài ra, hai công ty đều xác định dàn máy lắp đặt không vận hành được nhưng đại diện của hai công ty đã nghiệm thu, xác nhận dàn máy đã hoạt động nên HĐXX không xem xét chấp nhận và giành quyền khởi kiện về tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ thanh toán nợ, yêu cầu hoàn trả tiền đặt cọc cho Công ty TNHH MTV XD B và DNTN Vận tải N trong vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Duy H trả nợ của Công ty TNHH A:

Ngày 13/8/2015, Công ty TNHH A có gửi cho ông Nguyễn Duy H (Giám đốc Công ty TNHH MTV XD B) số tiền 40.000.000đ để đưa cho ông Phạm Văn Th là thành viên công ty TNHH Q, địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. HĐXX xét thấy, việc cá nhân ông H nhận tiền từ Công ty TNHH A là giao dịch dân sự, phải được giải quyết bằng một vụ án dân sự. Đồng thời, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/9/2021, đại diện Công ty TNHH A rút phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Duy H phải trả số tiền 40.000.000đ nên HĐXX không xem xét giải quyết mà trả lại phần tạm ứng án phí, các tài liệu có liên quan đối với yêu cầu này của Công ty TNHH A.

[4] Về án phí: Công ty TNHH MTV XD B phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm, trả lại cho Công ty TNHH MTV XD B toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147; 217; 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24; 44; 50; 55; 62 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty TNHH A yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng B thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

2- Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng B trả tiền cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A cụ thể: Số tiền là 271.486.813 đồng (*Hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm mười ba đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Công ty TNHH MTV Xây dựng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch 13.574.340 đồng (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH A số tiền là 7.787.170đ (Bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004022 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Ánh